

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)
NGÀNH KẾ TOÁN
(ACCOUNTING)
MÃ NGÀNH: 8340301

1. Tên trường (Awarding Institution): Trường Đại học Tôn Đức Thắng

2. Tên ngành (Name of programme)

- Tên ngành tiếng Việt: Kế toán
- Tên ngành tiếng Anh: Accounting

3. Mã ngành (Programme code): 8340301

4. Văn bằng (Training degree)

- Tên văn bằng tiếng Việt: Thạc sĩ Kế toán
- Tên văn bằng tiếng Anh: Master of Accounting

5. Hình thức đào tạo (Mode of study) - Thời gian đào tạo (Training time)

- Hình thức đào tạo chính quy: 02 năm (24 tháng)
- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: 2,5 năm (30 tháng)

6. Ngôn ngữ đào tạo (Instruction language): Tiếng Việt, Tiếng Anh

7. Mục tiêu đào tạo (Programme Educational objectives)

Từ 3-5 năm sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người tốt nghiệp sẽ đạt được các năng lực:

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo (PEOs)
1	Trở thành chuyên gia trong lĩnh vực kế toán- tài chính, có khả năng tư vấn và đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kế toán - tài chính và các vấn đề liên quan đến ngành nghề.
2	Có năng lực thực hiện các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán – kinh tế áp dụng vào thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp.
3	Có tư duy độc lập, có tinh thần học tập suốt đời, có phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội nhằm cống hiến cho sự phát triển của đất nước.

8. Chuẩn đầu ra (Programme learning outcomes)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học phải đạt được:

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra (PLOs)
1	Kiến thức chung	PLO1: Vận dụng (Apply) kiến thức nền tảng, kỹ thuật tiên tiến trong bối cảnh kinh doanh, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán- tài chính.
2	Kiến thức chuyên môn	PLO2: Áp dụng (Apply) kiến thức kế toán – kinh tế và kỹ thuật tiên tiến để đánh giá các vấn đề kế toán– kinh tế nhằm cung cấp các giải pháp khả thi và ý tưởng cho các tổ chức, doanh nghiệp. PLO3: Phân tích (Analyze) các vấn đề kế toán thông qua góc nhìn của các nghiên cứu ứng dụng trong kế toán để thực hiện các chủ đề nghiên cứu theo hướng ứng dụng.
3	Kỹ năng chuyên môn	PLO4: Phân tích (Analyze) tình hình tài chính doanh nghiệp, đánh giá và dự báo tình hình tài chính công ty để đưa ra các quyết định quản trị của lãnh đạo các cấp. PLO5: Phát triển (Develop) năng lực tìm kiếm, phân tích dữ liệu và sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu để hoàn thành các đề tài nghiên cứu ứng dụng, các mô hình quản trị chuyên ngành kế toán- tài chính áp dụng cho các tổ chức, doanh nghiệp.
4	Kỹ năng mềm	PLO6: Có (Have) năng lực truyền đạt, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu; Kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động kế toán và hoạt động có liên quan tại đơn vị công tác.
5	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	PLO7: Hình thành (Order) tinh thần trách nhiệm với công việc của bản thân và tập thể; ý thức trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần cống hiến; ý thức học tập suốt đời.

9. Quy định tuyển sinh (Admission criteria)

9.1. Phương thức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển được xác định trong Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ hàng năm của Trường.

9.2. Yêu cầu về văn bằng

Người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển; đối với ngành không phải ngành phù hợp với ngành dự tuyển thì phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển (Phụ lục 1).

9.3. Yêu cầu năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển đáp ứng yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ đầu vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

9.4. Yêu cầu khác

Đáp ứng yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của Trường.

10. Cấu trúc chương trình đào tạo (Programme structure)

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức chung	11	11	0
Ngoại ngữ	5	5	0
Triết học	4	4	0
Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
Kiến thức ngành	34	23	11
Kiến thức ngành bắt buộc	23	23	0
Kiến thức ngành tự chọn	11	0	11
Thực tập nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai	6	6	0
Tốt nghiệp	9	9	0
Đề án tốt nghiệp	9	9	0
Tổng cộng	60	49	11

11. Nội dung chương trình đào tạo (Programme content)

Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Tổng TC	LT	TH , TN , TL
A. Phần kiến thức chung			11	11	0
FL700020	Ngoại ngữ	Foreign Language	5	5	0
SH700020	Triết học	Philosophy	4	4	0
IN700000	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2	0
B. Phần kiến thức ngành			34	34	0
B.1. Các học phần kiến thức ngành bắt buộc			23	23	0
MS701410	Thống kê kinh doanh	Business Statistic	3	3	0
AC701010	Lý thuyết kế toán	Accounting Theory	2	2	0
AC701020	Kế toán quản trị nâng cao	Advanced Managerial Accounting	3	3	0
AC701030	Kế toán tài chính nâng cao	Advanced Financial Accounting	3	3	0
AC701260	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	Financial Statements and Sustainable Development	3	3	0
AC701080	Quản trị Tài chính	Financial Management	3	3	0
AC701220	Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Kế toán	Research Methodology in Accounting	3	3	0
AC701240	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng ĐCCT	Project 1: Proposal	3	3	0
B.2. Các học phần kiến thức ngành tự chọn 1 (chọn 02/10 tín chỉ)			2	2	0
BA701230	Kinh tế học quản lý	Management Economic	2	2	0
FB701090	Tài chính quốc tế	International Finance	2	2	0
BA701030	Quản trị dự án	Project Management	2	2	0
AC701130	Công cụ xử lý và phân tích dữ liệu	Tools for processing and analyzing data	2	2	0
AC701050	Pháp luật về kế toán và kiểm toán	Law of Accounting & Auditing	2	2	0
B.3. Các học phần kiến thức ngành tự chọn 2 (chọn 09/36 tín chỉ)			9	9	0
AC701060	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	3	3	0
AC701070	Kế toán quốc tế	International accounting	3	3	0
AC701090	Hệ thống thông tin Kế toán	Accounting Information System	3	3	0

Mã số học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Tổng TC	LT	TH , TN , TL
BA701080	Quản trị chiến lược nguồn nhân lực	Strategic Human Resource Management	3	3	0
FB701180	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	3	3	0
AC701250	Chuyên đề nghiên cứu 2: Tổng quan nghiên cứu	Project 2: Literature Review	3	3	0
AC701970	Chuyên đề nghiên cứu 3: Thiết kế nghiên cứu	Project 3: Research design	3	3	0
AC701210	Phân tích dữ liệu trong kế toán	Accounting Analytics	3	3	0
AC701190	Hợp nhất báo cáo tài chính	Financial Consolidation	3	3	0
AC701270	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế	International Financial Reporting Standards	3	3	0
AC701200	Kiểm toán nội bộ	Internal Auditing	3	3	0
AC701230	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	3	3	0
C. Thực tập nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			6	0	6
AC701710	Thực tập 1	Internship 1	3	0	3
AC701720	Thực tập 2	Internship 2	3	0	3
D. Tốt nghiệp			9	0	9
AC701980	Đề án tốt nghiệp	Master's Final Project	9	0	9
Tổng cộng			60	45	15

Ghi chú: *LT*: lý thuyết; *TH*: thực hành; *TN*: thí nghiệm; *TL*: thảo luận

1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết hoặc bài tập

= 30 tiết thuyết trình, thảo luận hoặc thực hành

12. Điều kiện tốt nghiệp (Progression points)

Học viên phải đáp ứng các điều kiện về công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và các yêu cầu riêng của CTĐT.

13. Những điểm đặc biệt của chương trình (Special features)

Chương trình cao học đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán đào tạo nhân lực có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở tốt; có khả năng tư duy sáng tạo độc lập để giải quyết các vấn đề khoa học và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực Kế toán; đủ kỹ năng giải quyết những yêu cầu thực tiễn về hoạt động kế toán thực tiễn; đồng thời nắm vững phương pháp nghiên cứu để tiếp tục phát triển

chuyên môn, kết hợp với kỹ năng làm việc nhóm và làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế; Có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở doanh nghiệp, đồng thời có cơ hội để được đăng trên các kỷ yếu, tạp chí trong và ngoài nước.

14. Cơ hội việc làm (Job opportunities)

Sau khi hoàn thành các học phần trong chương trình và tốt nghiệp người học có đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành chuyên viên, nhà quản lý cấp trung và cao tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

15. Tương quan giữa chuẩn đầu ra và các học phần (Mapping of Programme Learning Outcomes to Courses): Đính kèm Phụ lục 2

16. Phân công giảng dạy (Teaching assignment): Đính kèm Phụ lục 3

17. Kế hoạch đào tạo (Training plan)

17.1. Hình thức chính quy

Mã số học phần	Nội dung	Tín chỉ
Học phần chung (Tổ chức thường xuyên ở mỗi học kỳ)		11
FL700020	Ngoại ngữ	5
SH700020	Triết học	4
IN700000	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Học kỳ 1		16
MS701410	Thống kê kinh doanh	3
AC701010	Lý thuyết kế toán	2
AC701020	Kế toán quản trị nâng cao	3
AC701030	Kế toán tài chính nâng cao	3
	Học phần ngành tự chọn 1	2
	Học phần ngành tự chọn 2	3
Học kỳ 2		18
AC701260	Báo cáo tài chính và phát triển bền vững	3
AC701080	Quản trị Tài chính	3
AC701220	Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Kế toán	3
AC701240	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng ĐCCT	3
	Học phần ngành tự chọn 2	3
	Học phần ngành tự chọn 2	3
Học kỳ 3		6
AC701710	Thực tập 1	3
AC701720	Thực tập 2	3
Học kỳ 4		9
AC701980	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng cộng		60

17.2. Hình thức vừa làm vừa học

STT	Mã số học phần	Nội dung	Tín chỉ
Học phần chung (Tổ chức thường xuyên ở mỗi học kỳ)			11
1	FL700020	Ngoại ngữ	5
2	SH700020	Triết học	4
3	IN700000	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Học kỳ 1			11
1	MS701410	Thống kê kinh doanh	3
2	AC701030	Kế toán tài chính nâng cao	3
3	AC701010	Lý thuyết kế toán	2
4	AC701220	Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Kế toán	3
Học kỳ 2			11
1		Học phần ngành tự chọn 1	2
2		Học phần ngành tự chọn 2	3
3	AC701020	Kế toán quản trị nâng cao	3
4	AC701080	Quản trị Tài chính	3
Học kỳ 3			12
1	AC701260	Báo cáo tài chính và trách nhiệm bền vững	3
2	AC701240	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng ĐCCT	3
3		Học phần ngành tự chọn 2	3
4		Học phần ngành tự chọn 2	3
Học kỳ 4			6
1	AC701710	Thực tập 1	3
1	AC701720	Thực tập 2	3
Học kỳ 5			9
1	AC701980	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng cộng			60

18. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo (Instruction to implement the training programs and ensure quality programs)

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Kế hoạch tiêu chuẩn đối với hình thức đào tạo chính quy gồm 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và đào tạo trình độ thạc sĩ, học kỳ thứ tư thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và đề án tốt nghiệp. Kế hoạch tiêu chuẩn đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học gồm 5 học kỳ: 4 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và đào tạo trình độ thạc sĩ, học kỳ thứ năm thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và đề án tốt nghiệp. Trong đó, học viên tích lũy đủ số tín chỉ theo CTĐT ngoại trừ học phần ngoại ngữ sẽ được xét điều kiện để giao đề tài đề án tốt nghiệp.
- Học viên tự học ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.
- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Sau đại học và Khoa quản lý chuyên môn tư vấn học viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với chuyên môn, năng lực và kế hoạch học tập của học viên.
- Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên cơ hữu: đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.
- Phương pháp đào tạo: Hình thức đào tạo chính quy đảm bảo triển khai theo kế hoạch đào tạo; việc đăng ký học phần, xét miễn hoặc công nhận học phần đảm bảo theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo và các quy định hiện hành có liên quan của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.
- Phương pháp giảng dạy: Phương pháp giảng dạy theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo. Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho người học; tăng cường giảng dạy kết hợp lý thuyết và thực hành, đẩy mạnh vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kết hợp nhiều hình thức tổ chức dạy học linh hoạt như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình; đẩy mạnh việc dạy học kết hợp với doanh nghiệp, ...

- Phương pháp đánh giá: đa dạng các hình thức đánh giá cho phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo; Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; Kết quả đánh giá làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập.
- Phương pháp giảng dạy, đánh giá được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết, hồ sơ học phần và giảng viên thông báo cho người học trong buổi học đầu tiên.
- Các hoạt động hỗ trợ người học như truy cập tài liệu tại Thư viện, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.